

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ đã chỉnh sửa bổ sung hoàn chỉnh kèm theo văn bản giải trình của Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Anh Phong;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 451/TTr-TNMT ngày 08/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Anh Phong (sau đây gọi là Công ty), địa chỉ tại Cụm công nghiệp Quỳnh Côi, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng xưởng sản xuất đồ gỗ và nhà xưởng cho thuê để sản xuất với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất đồ gỗ và nhà xưởng cho thuê để sản xuất.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Quỳnh Côi, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 1001208757; đăng ký lần đầu ngày 27/03/2020, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/8/2023.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ gỗ nội thất; Kinh doanh nhà xưởng cho thuê để sản xuất công nghiệp.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 720 sản phẩm/năm. Tổng vốn đầu tư 20 tỷ đồng

- Số lượng cán bộ, công nhân của cơ sở: 14 người

- Tóm tắt quy trình sản xuất: Gõ thành khí, xẻ gỗ, cắt, bào 4 mặt, tạo dáng, chà nhám, lắp ráp, bả, sơn/đánh vecni, nhập kho xuất hàng.

- Khu nhà xưởng cho thuê diện tích 1.386 m². Ngành nghề hoạt động sản xuất phải phù hợp với ngành nghề cho phép đầu tư của CCN Quỳnh Côi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Anh Phong:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký Giấy phép).

Điều 4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Mỹ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Công ty;
- Cổng Thông tin điện tử huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phát

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép số 03/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh nhà văn phòng;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh nhà trung bày và giới thiệu sản phẩm;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương nội đồng phía sau dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: mương nội đồng phía sau dự án.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X=2283628,94; Y=585594,25 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số k=1,2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ
			Cột A	C _{max}	
1	pH	-	5 đến 9	5 đến 9	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, định kỳ (theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30	36	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	600	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	6	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	6	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	7,2	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	3000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: nước thải phát sinh được thu gom bằng hệ thống đường ống kín đưa về hệ thống xử lý; nước thải sau khi được xử lý được dẫn ra vị trí nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xây dựng 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt, gồm các bể xử lý, kích thước lần lượt:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Thể tích
1	Bể gom: 4,88x2,56x2,4 (m)	m ³	29,9
2	Bể lọc 1: 2,56x0,7x2,4 (m)	m ³	4,4
3	Bể lọc 2: 2,56x0,7x2,4 (m)	m ³	4,4
4	Bể lọc 3: 2,56x0,7x2,4 (m)	m ³	4,4
5	Bể lọc 4: 2,56x0,7x2,4 (m)	m ³	4,4

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau khi qua bể phốt (bể tự hoại) → Bể gom → Bể lọc 1 → Bể lọc 2 → Bể lọc 3 → Bể lọc 4 → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 3 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chế phẩm vi sinh Emzeo, C₂H₅OH; PAC, TCCA, vật liệu lọc cát thạch anh, cát vàng, cát đen, than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí, tọa độ đã nêu tại phần A của Phụ lục này

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này)

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14: 2008/BTNMT cột A giá trị C_{max}

2.3. Tần suất lấy mẫu: theo quy định hiện hành

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, lập và cập nhật sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải theo quy định.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn nước tiếp nhận thì Công ty phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Mỹ.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép số 03/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân
huyện Quỳnh Phụ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Dự án có 02 nguồn phát sinh khí thải:

- Dòng số 01: Bụi từ quá trình xẻ, cắt, bào, tạo hình, trà nhám.
- Dòng số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn đánh vecni.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tọa độ xả thải: X: 2283641,8149 (m) ; Y: 585651,0453 (m).
(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)
- Dòng số 02: Tọa độ xả thải: X: 2283625,2004 (m) ; Y: 585665,1105 (m).
(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.000 m³/h.

- Dòng số 01: 2.000 m³/h.
- Dòng số 02: 12.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức

2.2.2. Chế độ xả nước thải liên tục: 24/24 giờ

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B giá trị C (áp dụng K_p = 1; K_v = 1);

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ
			Cột B	C _{max}	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, định kỳ (theo quy định tại Nghị định 08/2022/ NĐ-CP)

- QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Tên các chất ô nhiễm	Số CAS	Công thức hóa học	Giá trị giới hạn cho phép (mg/Nm ³)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Etyl benzen	100-41-4	CH ₃ CH ₂ C ₆ H ₅	870	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, định kỳ (theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP)
2	Toluen	108-88-3	C ₆ H ₅ CH ₃	750	
3	Xylen	1330-20-7	C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂	870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh được thu vào các chụp hút, bụi đi qua quạt hút tới Cyclone khí sạch thoát ra ngoài qua đường ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ khu vực sơn, đánh vecni được thu vào tháp hấp phụ không khí chứa hơi hữu cơ từ khu vực sơn qua hệ thống ống Ø350 đến tháp hấp phụ than hoạt tính sau khi xử lý khí sạch thoát ra ngoài qua đường ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nguồn số 01: Bụi => miệng hút => Cyclone => ống xả ra ngoài môi trường.

STT	Tên Thiết bị	Số lượng	Thông số
1	Chụp hút	05	LxB=2000x1500 (mm)
2	Hệ thống ống dẫn khí	01	D= 300 (mm)
3	Cyclone	01	DxH =1200x4000 (mm)
4	Quạt hút	01	Lưu lượng: 2000 m ³ / giờ
5	Ống thoát khí	01	DxH =600x300 (mm)

- Nguồn số 02: Khí thải, hơi hữu cơ từ quá trình sơn sản phẩm => miệng hút => hệ thống đường ống thu gom khí thải => xử lý qua lớp than hoạt tính => ống xả ra ngoài môi trường.

STT	Tên Thiết bị	Số lượng	Thông số
1	Đường ống dẫn khí	01	D= 350 (mm)
2	Quạt hút	01	+ Công suất 3,5 KW + Lưu lượng 10.000 m ³ / giờ
3	Tháp hấp phụ than hoạt tính	01	+ Kích thước LxBxH = 2x1,1x1,1 (m) + Than hoạt tính dạng tổ ong chỉ số hấp thụ IOD 800mg
4	Ống thoát khí	01	Dx H = 0,35x6 (m)

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Vị trí lấy mẫu: Tại ống xả sau hệ thống thu gom và xử lý khí thải

+ Nguồn khí thải số 01: Khí thải ống xả sau hệ thống thu gom và xử lý bụi.

+ Tọa độ: X: 2283641,8149 (m) ; Y: 585651,0453 (m).

+ Nguồn khí thải số 02: Khí thải ống xả sau hệ thống thu gom và xử lý khí thải.

+ Tọa độ: X: 2283625,2004 (m) ; Y: 585665,1105 (m).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

- QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1$

- QCVN 20:2009/BTNMT

2.3. Tần xuất lấy mẫu: theo quy định hiện hành

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải đúng quy trình kỹ thuật; trường hợp nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường không khí, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Mỹ.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số 03/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân
huyện Quỳnh Phụ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà xưởng

2. Vị trí phát sinh: Khu vực xưởng sản xuất ứng với nguồn phát sinh được giới hạn bởi tọa độ:

+ Điểm góc phía Bắc: X = 2283641,8149; Y = 585651,0453;

+ Điểm góc phía Tây Bắc: X = 2283625,2004; Y = 585665,1105;

+ Điểm góc phía Nam: X = 2283589,6816; Y = 585621,9532;

+ Điểm góc phía Đông Nam: X = 2283609,6394; Y = 585607,3218.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT

STT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Khu vực thông thường	70	55	-

3.2. Độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ
		Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Khu vực thông thường	70	60	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp.
- Xây dựng kế hoạch làm việc hợp lý: Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn không được hoạt động cùng thời điểm để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn, hạn chế làm việc ca đêm,...)
- Các phương tiện di chuyển hạn chế dùng còi trong khu vực.
- Thay thế các thiết bị không đạt kiểm định chất lượng.
- Đối với các thiết bị có độ ồn lớn, chống rung lan truyền bằng cách dùng kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn hay gối đàn hồi cao su,...

- Thiết kế thêm các vách cách âm bằng vách Panel cho nhà để cách âm và tránh gây ảnh hưởng tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

- Quá trình vận hành máy móc, thiết bị phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động hiệu quả, không gây tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số 03/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân
huyện Quỳnh Phụ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải máy, cặn dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, hộp mực in thải, hộp đựng sơn,... có thành phần nguy hại, ước tính 93,2 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn sản xuất: giấy nhám, mùn cưa, đầu mẫu, bao bì....

Khối lượng chất thải rắn phát sinh tối đa 762,4 kg/tháng (9.149 kg/năm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Bao gồm thực phẩm thừa, nhựa, giấy, bã trà, bã cà phê... phát sinh khoảng 6,86 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phi loại 30 lit, thùng phi loại 200 lít có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 20m².

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có thiết bị PCCC khi cần thiết, có biển dấu hiệu cảnh báo, có sổ nhật ký và cán bộ quản lý kho lưu giữ chất thải nguy hại; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu giữ tại kho diện tích 20 m² thiết kế, cấu tạo nhà kiên cố tường xây gạch, lợp tôn, nền tôn cao 20cm so với cốt nền... đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom đựng vào các thùng rác nhựa có nắp đậy dung tích 30 lít/thùng. Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom cuối mỗi ngày khu vực nền bê tông, có mái che, công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình, thiết bị xử lý chất thải; vận hành hệ thống, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc, thiết bị và các hạng mục của hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải kịp thời phát hiện và khắc phục nếu sự cố xảy ra.

- Trang bị, lắp đặt thiết bị, phương tiện chữa cháy như chuông báo cháy tự động, bình bọt, bình khí cùng với các thiết bị thủ công như bơm tay, các bình xịt...

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị phòng chống cháy nổ như: bể nước, thiết bị báo cháy, dây dẫn nước, bình xịt... kịp thời thay thế, bổ sung khi bị hỏng, mất mát.

- Tổ chức tập huấn PCCC cho cán bộ nhân viên công ty đồng thời phối hợp với cảnh sát PCCC khi xảy ra sự cố cháy nổ lớn.

- Lưu giữ, tập kết nguyên nhiên liệu dễ cháy trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 03/GPMT -UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

3. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.